

Số: 405/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Nha Trang

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thiry sản, nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học và Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Nha Trang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với các khóa tuyển sinh đại học hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học năm 2023.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng, các Trưởng đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Hội đồng trường (b/c);
- Như Điều 3(t/h);
- Lưu: VT, ĐTĐH, ĐTBĐ.

HIỆU TRƯỞNG



Trang Sĩ Trung

Mục lục

Chương I	1
QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	1
Điều 3. Yêu cầu chung trong tuyển sinh.....	2
Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh.....	3
Điều 5. Đối tượng, điều kiện dự tuyển.....	3
Điều 6. Phương thức tuyển sinh.....	4
Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh.....	6
Điều 8. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển.....	7
Điều 9. Ngưỡng đầu vào các ngành đào tạo chính quy.....	8
Điều 10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển.....	8
Điều 11. Đề án tuyển sinh.....	8
Chương II.....	9
XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO CHÍNH QUY.....	9
Điều 12. Xây dựng kế hoạch xét tuyển.....	9
Điều 13. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng.....	10
Điều 14. Tổ chức đăng ký và xét tuyển sớm.....	10
Điều 15. Đăng ký xét tuyển trên hệ thống theo kế hoạch chung.....	11
Điều 16. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung.....	11
Điều 17. Thông báo kết quả, xác nhận nhập học và nhập học.....	12
Điều 18. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung.....	13
Điều 19. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển.....	13
Chương III.....	14
XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC.....	14
Điều 20. Xây dựng kế hoạch, đăng ký xét tuyển và xét tuyển.....	14
Điều 21. Thông báo kết quả, tổ chức nhập học và trách nhiệm các bên liên quan...	15
Chương IV.....	15
TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	15
Điều 22. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh.....	15
Điều 23. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS.....	16
Điều 24. Khen thưởng và xử lý vi phạm.....	17
Điều 25. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan.....	17

Điều 26. Điều khoản thi hành.....	18
PHỤ LỤC.....	1
Phụ lục I: Đề án tuyển sinh.....	1
Phụ lục II: Mẫu phiếu đăng ký xét tuyển.....	12
Phụ lục III: Ưu tiên trong xét tuyển.....	13
Phụ lục IV: Quy trình tuyển sinh.....	15
Phụ lục V: Các trang thông tin điện tử của Trường.....	17

QUY CHẾ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 405/QĐ-ĐHNT ngày 03 tháng 4 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định những nguyên tắc, yêu cầu, tiêu chuẩn, quy trình, quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh đại học cho các hình thức đào tạo;
- Quy chế này áp dụng đối với Hội đồng tuyển sinh (HĐTS), các ban giúp việc cho HĐTS, các đơn vị chức năng, thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Nha Trang và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Phạm vi tuyển sinh là các chương trình, ngành, nhóm ngành, lĩnh vực và hình thức đào tạo được tổ chức tuyển sinh trong một đợt, hoặc theo một phương thức tuyển sinh nhất định.
- Dự tuyển là việc một thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào một chương trình đào tạo hoặc một ngành đào tạo của Trường thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống tuyển sinh của Trường và hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung) và đăng ký xét tuyển theo quy định của Trường.
- Xét tuyển là quy trình xử lý riêng tại Trường (hoặc xử lý chung theo nhóm cơ sở đào tạo nếu Trường tham gia) để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào một chương trình đào tạo, ngành đào tạo, căn cứ các tiêu chí xét tuyển do Trường xác định.
- Xử lý nguyện vọng là quy trình xử lý trên hệ thống tuyển sinh của Trường và hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ để xác định nguyện vọng cao nhất trong số nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển.
- Ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo.

6. Xét tuyển thẳng là việc công nhận trúng tuyển đối với những đối tượng theo quy định của Quy chế này và đã đáp ứng yêu cầu về điều kiện dự tuyển nhưng không cần xét tới ngưỡng đầu vào.

7. Tiêu chí xét tuyển là những yếu tố được dùng trong xét tuyển để đánh giá năng lực của thí sinh nhằm phân loại thí sinh theo mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo.

8. Tiêu chí xét tuyển là những yếu tố được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh, chủ yếu dựa trên thành tích học tập hoặc kết quả thi, đánh giá thí sinh; thông thường được quy thành điểm số để xét tuyển (điểm xét) trong đó có tính cả các điểm ưu tiên.

9. Điểm trúng tuyển (của một nhóm ngành, một ngành, một chương trình đào tạo) là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào ngành, chương trình đào tạo đó) có điểm xét bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển.

10. Điểm ưu tiên là số điểm chênh lệch giữa mức điểm trúng tuyển áp dụng cho nhóm thí sinh được ưu tiên so với mức điểm trúng tuyển bình thường; hay cũng chính là số điểm mà nhóm thí sinh được cộng vào điểm xét để áp dụng mức điểm trúng tuyển bình thường.

11. Kỳ thi tuyển sinh là kỳ thi được tổ chức gắn với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ duy nhất hoặc căn cứ chủ yếu phục vụ xét tuyển.

12. Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) là hệ thống phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển, trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học của các cơ sở đào tạo.

13. Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT là giao diện web của hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

14. Cổng thông tin tuyển sinh của Trường là giao diện web của hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Trường dành cho tuyển sinh đại học chính quy hoặc vừa làm vừa học.

15. Mã trường là một mã số quy ước thống nhất toàn quốc dùng để định danh một cơ sở đào tạo.

16. Mã xét tuyển là một mã số quy ước thống nhất trong Trường dùng để định danh một nhóm ngành, một ngành hoặc một chương trình đào tạo, cùng với phương thức tuyển sinh được áp dụng.

Điều 3. Yêu cầu chung trong tuyển sinh

1. Trường thực hiện quyền tự chủ và chịu trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Thực hiện theo quy trình tuyển sinh tại Phụ lục IV.

2. Trường thực hiện tất cả biện pháp cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp nhất với yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo.

3. Trường phối hợp chặt chẽ dưới sự hỗ trợ, giám sát của Bộ GDĐT nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong hệ thống; giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyển sinh của Trường và của toàn hệ thống.

Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

1. Công bằng đối với thí sinh

a) Về cung cấp thông tin: Mỗi thí sinh quan tâm được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán và kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia tuyển sinh vào Trường;

b) Về cơ hội dự tuyển: Không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực; hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém;

c) Về đánh giá năng lực: Thí sinh được đánh giá khách quan, công bằng và tin cậy về khả năng học tập và triển vọng thành công, đáp ứng yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo;

d) Về cơ hội trúng tuyển: Thí sinh được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất và quyền xác định nguyện vọng ưu tiên trong số những chương trình, ngành đào tạo đủ điều kiện trúng tuyển;

e) Về thực hiện cam kết: Trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2. Bình đẳng giữa các cơ sở đào tạo

a) Về hợp tác: Trường đảm bảo hợp tác bình đẳng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyển sinh, đồng thời mang lại lợi ích tốt nhất cho thí sinh;

b) Về cạnh tranh: Trường đảm bảo cạnh tranh trung thực, công bằng và lành mạnh trong tuyển sinh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

3. Minh bạch đối với xã hội

a) Về minh bạch thông tin: Trường công bố thông tin tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng và kịp thời qua các phương tiện truyền thông phù hợp để xã hội và cơ quan quản lý nhà nước cùng giám sát;

b) Về trách nhiệm giải trình: Trường có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và giải trình với xã hội qua hình thức phù hợp về những vấn đề lớn, gây bức xúc cho người dân (nếu có).

Điều 5. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), cụ thể:

a) Đối với hình thức đào tạo chính quy

Đối tượng xét tuyển thuộc một trong các điều kiện sau:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

b) Đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học và hình thức đào tạo liên thông chính quy

Đối tượng xét tuyển thuộc một trong các điều kiện sau:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông;

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp của Việt Nam và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;

- Người đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;

- Người đã có bằng tốt nghiệp đại học;

- Người có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với các trình độ THPT; trung cấp; cao đẳng; đại học của Việt Nam.

2. Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 Quy chế này;

b) Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

3. Đối với một chương trình đào tạo hoặc một ngành đào tạo áp dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh, Trường có quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh tuân thủ nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Quy chế này.

4. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển, Trường thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

Điều 6. Phương thức tuyển sinh

1. Hàng năm trong Đề án tuyển sinh, Trường công bố quyết định một hoặc một số phương thức tuyển sinh (xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển với xét tuyển), áp dụng chung cho cả Trường hoặc áp dụng riêng cho một số chương trình, ngành, lĩnh vực và hình thức đào tạo. Một chương trình, ngành đào tạo có thể sử dụng đồng thời một số phương thức tuyển sinh.

2. Trong mỗi phương thức tuyển sinh, Trường quy định rõ các tiêu chí xét tuyển và cách thức sử dụng kết hợp các tiêu chí để xác định điều kiện trúng tuyển đối với thí sinh theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo. Tiêu chí xét tuyển dựa trên yêu cầu về kiến thức nền tảng và năng lực cốt lõi mà thí sinh cần có để theo học chương trình, ngành đào tạo.

3. Đối với phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả học tập THPT, kết quả thi tốt nghiệp THPT:

a) Tổ hợp môn thi tốt nghiệp THPT dùng để xét tuyển bao gồm ít nhất 3 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của chương trình đào tạo (có thể tính hệ số cho từng môn), trong đó có môn toán hoặc ngữ văn. Tổ hợp môn học THPT dùng để xét tuyển có từ 3 ÷ 5 môn học, trong đó có 3 môn học bắt buộc trong tổ hợp gồm Toán, Ngữ văn và Tiếng Anh, và 1 ÷ 2 môn học phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của chương trình đào tạo (có thể tính hệ số cho từng môn).

b) Một ngành, một chương trình đào tạo có thể sử dụng đồng thời một số tổ hợp môn, trong đó có thể quy định điểm chênh lệch giữa các tổ hợp khi xác định điều kiện trúng tuyển;

c) Không sử dụng quá 4 tổ hợp xét tuyển cho một ngành, một chương trình đào tạo (trừ trường hợp các tổ hợp môn chỉ khác nhau ở môn ngoại ngữ).

4. Đối với mỗi ngành, chương trình đào tạo có chỉ tiêu riêng cho từng phương thức xét tuyển hoặc tổ hợp xét tuyển:

a) Trường phân bổ chỉ tiêu giữa các phương thức, tổ hợp xét tuyển hợp lý; không gây mất công bằng cho các thí sinh chọn phương thức, tổ hợp xét tuyển khác nhau;

b) Trong trường hợp thay đổi, bổ sung phương thức hoặc tổ hợp xét tuyển; Trường có căn cứ và lộ trình hợp lý; không làm tỉ lệ phân bổ chỉ tiêu của một phương thức, tổ hợp đã sử dụng trong năm trước giảm quá 30% (trong cơ cấu chỉ tiêu của ngành, chương trình đào tạo) trừ trường hợp việc thay đổi, bổ sung đó đã được công bố trước thời điểm mở đăng ký dự tuyển ít nhất 1 năm.

c) Trong trường hợp có tổ chức thi tuyển kết hợp với xét tuyển, Trường thông báo trước ít nhất 1 năm trước khi cho thí sinh đăng ký dự tuyển và tuân thủ tổ chức thi theo các quy định của Bộ GDĐT.

d) Trường chịu trách nhiệm giải trình về căn cứ khoa học và thực tiễn trong xác định phương thức tuyển sinh, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh; trong đó có dựa trên phân tích, đánh giá và đối sánh kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển hàng năm.

5. Tổ chức xét tuyển đào tạo đại học hệ chính quy được quy định chi tiết tại Chương II của Quy chế này.

6. Tổ chức xét tuyển đào tạo hình thức vừa làm vừa học và hình thức đào tạo liên

thông chính quy được quy định chi tiết tại Chương III của Quy chế này.

Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực (theo Phụ lục III của Quy chế)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng.

c) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

- Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn;

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ;

d) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (theo Phụ lục III của Quy chế)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

Điều 8. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình do Trường quy định.

2. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc giải nhất thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

3. Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo, chương trình đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

a) Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do cơ sở đào tạo quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

b) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

c) Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

d) Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

4. Trường quy định hình thức ưu tiên xét tuyển (được ưu tiên xét tuyển trong năm tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp trung cấp) đối với các trường hợp sau đây:

a) Thí sinh quy định tại khoản 1, 2 Điều này dự tuyển vào các ngành theo nguyện vọng (không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng);

b) Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong các kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành

phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải; thí sinh đoạt giải khuyến khích trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

5. Trường quy định cụ thể và công bố trong đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, đối tượng, chỉ tiêu, tiêu chí, phạm vi tuyển sinh, ngành, chương trình đào tạo để xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

Điều 9. Ngưỡng đầu vào các ngành đào tạo chính quy

Căn cứ yêu cầu bảo đảm chất lượng, Trường xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các ngành, chương trình đào tạo và phương thức tuyển sinh trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển ít nhất 10 ngày, cụ thể:

1. Đối với phương thức sử dụng kết quả học tập THPT, ngưỡng điểm nhận hồ sơ xét tuyển đối với tổ hợp xét tuyển là 20 điểm (thang điểm 40).

2. Đối với phương thức sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT, điểm của các Kỳ thi đánh giá năng lực, và các phương thức khác (nếu có), ngưỡng điểm nhận hồ sơ xét tuyển là được Trường công bố căn cứ vào kết quả thi của năm xét tuyển và quy định chung của Bộ GDĐT.

Điều 10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Thí sinh đã có Giấy báo trúng tuyển và nhập học được Trường xem xét bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

a) Đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;

b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

2. Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 1 phải gửi Đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng tới Trường trong thời hạn được gọi nhập học. Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả do Trường quy định dựa trên thực tiễn nhưng tối đa 5 năm đối với thí sinh quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn tối đa 1 tháng ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện các thủ tục nhập học theo quy định của Trường, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Trường sẽ xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị đại học để ôn tập trước khi vào học chính thức.

Điều 11. Đề án tuyển sinh

1. Hàng năm, Trường xây dựng, công bố và thực hiện đề án tuyển sinh để thực hiện trách nhiệm giải trình và cam kết đối với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Đề án tuyển sinh có đầy đủ thông tin (theo mẫu tại Phụ lục I) làm căn cứ để:

a) Thí sinh lựa chọn ngành, chương trình đào tạo, phương thức tuyển sinh phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân; chuẩn bị các điều kiện tham gia dự tuyển và thực hiện các bước theo kế hoạch tuyển sinh của Trường;

b) Cơ quan quản lý nhà nước và xã hội giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật và các cam kết đối với người học của Trường trong công tác tuyển sinh và đào tạo.

2. Nội dung chủ yếu của đề án tuyển sinh bao gồm:

a) Thông tin giới thiệu về Trường, các ngành và chương trình đào tạo, gồm cả thông tin về quyết định mở ngành, ngôn ngữ đào tạo, đội ngũ giảng viên, điều kiện học tập và nghiên cứu, văn bằng tốt nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học) và tỉ lệ có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn của sinh viên tốt nghiệp;

b) Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;

c) Kế hoạch xét tuyển và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm (trong đó xét tuyển đại học chính quy đợt 1 phải phù hợp với kế hoạch chung do Bộ GDĐT ban hành), gồm cả quy định về đối tượng và điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh đối với các ngành, chương trình đào tạo; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;

d) Các phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của Trường.

3. Trường thông báo tuyển sinh kèm theo công bố đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường và qua các hình thức thích hợp khác trước khi mở đăng ký dự tuyển của đợt tuyển sinh đầu tiên ít nhất 30 ngày; trường hợp điều chỉnh, bổ sung (nếu có) trước ít nhất 15 ngày.

Chương II

XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

Điều 12. Xây dựng kế hoạch xét tuyển

1. Căn cứ kế hoạch chung của Bộ GDĐT cho xét tuyển đợt 1, Trường phối hợp triển khai các quy trình:

a) Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT (gọi tắt là hệ thống trong phạm vi Chương này) và trên Cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Tổ chức xét tuyển tại Trường cho các phương thức tuyển sinh riêng gồm: xét tuyển sử dụng học tập THPT, điểm các Kỳ thi đánh giá năng lực;

c) Xử lý nguyện vọng trên hệ thống;

d) Hỗ trợ thí sinh xác nhận nhập học trên hệ thống và nhập học theo thông báo của Trường.

2. Căn cứ kế hoạch chung của Bộ GDĐT, Trường xây dựng kế hoạch xét tuyển thẳng, kế hoạch xét tuyển sớm đối với một số phương thức tuyển sinh riêng và kế hoạch xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có).

Điều 13. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng

1. Căn cứ Đề án tuyển sinh đã công bố, Trường thông báo và tổ chức cho thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường.

2. Trường tổ chức xét tuyển thẳng cho những thí sinh đủ điều kiện, công bố kết quả theo kế hoạch chung.

3. Thí sinh trúng tuyển thẳng có thể xác nhận nhập học sớm (khi đủ điều kiện) theo thông báo của Trường, hoặc theo kế hoạch chung như những thí sinh khác; Trường không yêu cầu bắt buộc thí sinh xác nhận nhập học sớm hơn lịch trình theo kế hoạch chung.

4. Thí sinh trúng tuyển thẳng chưa xác nhận nhập học vẫn được sử dụng quyền đăng ký xét tuyển trên hệ thống chung để có thêm cơ hội trúng tuyển như những thí sinh khác.

Điều 14. Tổ chức đăng ký và xét tuyển sớm

1. Trường có kế hoạch và thông báo xét tuyển sớm/xét tuyển kết hợp đối với một số phương thức tuyển sinh, tổ chức cho thí sinh đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường.

2. Trường tổ chức xét tuyển cho những thí sinh đã hoàn thành thủ tục dự tuyển, nhưng không yêu cầu thí sinh xác nhận nhập học sớm hơn lịch trình theo kế hoạch chung. Trường công bố và tải danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên hệ thống để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung, hoàn thành trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống.

3. Thí sinh đã dự tuyển vào Trường theo kế hoạch xét tuyển sớm sau đó phải tiếp tục đăng ký nguyện vọng trên hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

a) Trường hợp thí sinh đã được Trường thông báo đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) một nguyện vọng nhất định, thí sinh tự quyết định việc đặt thứ tự ưu tiên nguyện vọng khi đăng ký trên hệ thống (tùy thuộc thí sinh muốn được công nhận trúng tuyển nguyện vọng đó hay muốn mở rộng cơ hội trúng tuyển nguyện vọng khác).

b) Trường hợp không đủ điều kiện trúng tuyển vào một ngành đào tạo theo nguyện

vọng, thí sinh vẫn có thể tiếp tục đăng ký ngành đào tạo đó theo phương thức tuyển sinh khác trên hệ thống.

Điều 15. Đăng ký xét tuyển trên hệ thống theo kế hoạch chung

1. Trường tổ chức thực hiện cho thí sinh đăng ký xét tuyển đợt 1 cho tất cả phương thức tuyển sinh của Trường theo điều phối chung của Bộ GDĐT. Thời gian đăng ký bắt đầu sau kỳ thi tốt nghiệp THPT và kết thúc sau khi có kết quả thi và xét tốt nghiệp THPT.

2. Thí sinh dự tuyển đợt 1 (bao gồm cả những thí sinh đã dự tuyển theo kế hoạch xét tuyển sớm của Trường) thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

3. Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành, nhiều trường khác nhau không hạn chế số lượng, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

4. Thí sinh thể hiện nguyện vọng của mình qua những lựa chọn trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh (theo hướng dẫn của Bộ GDĐT) như sau:

- a) Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng cao nhất);
- b) Lựa chọn về Trường, đơn vị tuyển sinh (mã trường);
- c) Lựa chọn ngành, nhóm ngành, chương trình đào tạo (mã ngành);
- d) Lựa chọn phương thức tuyển sinh (mã phương thức);
- e) Lựa chọn tổ hợp xét tuyển (mã tổ hợp) đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT theo môn thi.

Điều 16. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung

1. Trường tự chủ tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển riêng, hoặc phối hợp theo nhóm các cơ sở giáo dục đại học phía Nam để tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển chung. Tổ chức xét tuyển này theo hướng dẫn lịch trình xét tuyển và hỗ trợ xử lý nguyện vọng trên hệ thống của Bộ GDĐT.

2. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên hệ thống, Trường tải thông tin, dữ liệu từ hệ thống để phục vụ xét tuyển, bao gồm dữ liệu đăng ký nguyện vọng và kết quả thi tốt nghiệp THPT, kết quả học tập cấp THPT của những thí sinh dự tuyển vào Trường theo các phương thức tuyển sinh.

3. Nguyên tắc xét tuyển

a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo từng ngành, chương trình đào tạo phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, nhưng không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

b) Đối với một ngành đào tạo (hoặc một chương trình đào tạo) theo một phương

thức và tổ hợp môn, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng theo điểm xét không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký;

c) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

4. Sau mỗi chu kỳ xét tuyển, Trường tải lên hệ thống danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển các ngành, chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh). Hệ thống xử lý nguyện vọng sẽ tự động loại bỏ khỏi danh sách những nguyện vọng thấp của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều nguyện vọng, trả lại danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất.

5. Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, Trường lập lại quy trình xét tuyển ở chu kỳ sau, điều chỉnh điểm trúng tuyển cho phù hợp với chỉ tiêu trong thời hạn quy định. Ở chu kỳ cuối, Trường quyết định điểm trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh) và tải lên hệ thống danh sách (chính thức) thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển. Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, Trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo.

6. Trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân trên Trang xét tuyển của Trường tại website: <http://xettuyen.ntu.edu.vn> (hoặc của nhóm cơ sở đào tạo phối hợp xét tuyển).

Điều 17. Thông báo kết quả, xác nhận nhập học và nhập học

1. Trường thông báo qua tin nhắn điện thoại và tải danh sách trúng tuyển trên Trang xét tuyển của Trường, đồng thời gửi giấy báo trúng tuyển cho những thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học và phương thức nhập học của thí sinh.

2. Thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống trước khi hoặc khi nhập học trực tiếp tại Trường trong thời gian quy định.

3. Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học và nhập học trong thời hạn quy định:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận;

b) Nếu do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, Trường xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau;

c) Nếu do sai sót, nhầm lẫn của cán bộ thực hiện công tác tuyển sinh hoặc cá nhân thí sinh gây ra, Trường phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau.

4. Thí sinh đã xác nhận nhập học tại Trường không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung, trừ trường hợp được Trường cho phép.

5. Thí sinh hoàn thành thủ tục nhập học được xếp vào lớp sinh viên có cùng ngành/chương trình, cùng năm/khóa tuyển sinh.

Điều 18. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

1. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học, nhập học vào các ngành, chương trình đào tạo, Hội đồng tuyển sinh của Trường xem xét, quyết định xét tuyển các đợt bổ sung. Trường công bố kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung; điều kiện xét tuyển đối với các ngành, chương trình đào tạo theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt trước.

2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào bất cứ nơi nào có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của Trường.

3. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, Trường công bố trên Trang xét tuyển về điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, chương trình đào tạo - theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân; gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển nhập học. Các kênh thông tin của công tác tuyển sinh chi tiết tại Phụ lục V.

Điều 19. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển

1. Trách nhiệm của thí sinh

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Trường, không đăng ký nguyện vọng vào những ngành, chương trình đào tạo hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;

b) Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký; tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;

c) Đồng ý để Trường mà mình dự tuyển được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;

d) Hoàn thành thanh toán lệ phí tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển.

2. Trách nhiệm của Trường

a) Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh lên hệ thống theo hướng dẫn của Bộ GDĐT;

b) Quy định (hoặc thống nhất với các cơ sở đào tạo khác) về mức thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí dịch vụ tuyển sinh;

c) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một ngành, chương trình đào tạo hay theo một phương thức tuyển sinh

của Trường mà không đủ điều kiện;

d) Bảo đảm quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết theo đề án tuyển sinh đã công bố;

e) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;

f) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của Trường theo quy định của pháp luật.

Chương III

XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC

Điều 20. Xây dựng kế hoạch, đăng ký xét tuyển và xét tuyển

1. Nhà trường xây dựng kế hoạch xét tuyển cả năm và từng đợt (bao gồm đợt bổ sung), từng cơ sở liên kết (nơi học) được thể hiện chi tiết trong Kế hoạch tuyển sinh hằng năm.

2. Căn cứ kế hoạch tuyển sinh, Trường thông báo và tổ chức cho thí sinh đăng ký dự tuyển/nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường hoặc tại cơ sở liên kết.

3. Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

a) Hệ đại học vừa làm vừa học (hệ 4 năm, tuyển sinh THPT): Phiếu tuyển sinh theo mẫu do Trường cung cấp; bản sao hoặc bản công chứng: học bạ THPT và bằng THPT hoặc giấy chứng nhận hoàn thành kiến thức THPT và bằng điểm trung cấp, bằng trung cấp; bản sao hoặc bản công chứng căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân; 03 ảnh chân dung 2x3 cm;

b) Hệ đại học liên thông từ trung cấp: Phiếu tuyển sinh theo mẫu do Trường cung cấp; bản sao hoặc bản công chứng: bằng điểm trung cấp, bằng trung cấp, căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận hoàn thành kiến thức THPT; 03 ảnh chân dung 2x3 cm;

c) Hệ đại học liên thông từ cao đẳng: Phiếu tuyển sinh theo mẫu do Trường cung cấp; bản sao hoặc bản công chứng: bằng điểm cao đẳng, bằng cao đẳng, căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân; 03 ảnh chân dung 2x3 cm;

d) Hệ đại học liên thông từ đại học (văn bằng 2): Phiếu tuyển sinh theo mẫu do Trường cung cấp; bản sao hoặc bản công chứng: bằng điểm đại học, bằng đại học, căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân; 03 ảnh chân dung 2x3 cm;

e) Với các thí sinh dự tuyển đã tốt nghiệp trình độ cao hơn trình độ dự tuyển tại các mục a, b, c, d điều này, có thể sử dụng bản sao hoặc bản công chứng bằng, bằng điểm ở trình độ đã tốt nghiệp để thay thế.

4. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký dự tuyển/nộp hồ sơ, Trường tổ chức xét tuyển

theo nguyên tắc sau:

a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo từng ngành, chương trình đào tạo phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố;

b) Đối với một ngành đào tạo (hoặc một chương trình đào tạo), tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng theo điểm xét không phân biệt thứ tự ưu tiên của hồ sơ đăng ký.

5. Trên cơ sở kết quả xét tuyển cuối cùng, Trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo.

6. Trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, chương trình đào tạo.

Điều 21. Thông báo kết quả, tổ chức nhập học và trách nhiệm các bên liên quan

1. Trường gửi giấy báo trúng tuyển cho những thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học và phương thức nhập học của thí sinh.

2. Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận;

b) Nếu do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, Trường xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau;

c) Nếu do sai sót, nhầm lẫn của cán bộ thực hiện công tác tuyển sinh hoặc cá nhân thí sinh gây ra, Trường phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau.

3. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển được quy định chi tiết tại Điều 19 của Quy chế này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) đối với từng hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Thành phần của HĐTS gồm có:

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;

b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác đào tạo;

c) Ủy viên thường trực: Trưởng phòng Đào tạo Đại học đối với tuyển sinh đại học chính quy; Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng đối với tuyển sinh đại học vừa làm vừa học;

d) Các ủy viên: Một số Trưởng phòng, Trung tâm, Trưởng khoa/viện, cán bộ phụ trách tuyển sinh và cán bộ công nghệ thông tin.

Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) xét tuyển vào Trường không được tham gia HĐTS của Trường và các ban giúp việc HĐTS Trường trong năm đó.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS

a) Góp ý hoàn thiện Phương hướng tuyển sinh để Hiệu trưởng trình Hội đồng trường thông qua, làm căn cứ xây dựng Đề án tuyển sinh;

b) Góp ý hoàn thiện Báo cáo xác định chỉ tiêu tuyển sinh để Hiệu trưởng báo cáo Bộ GDĐT theo quy định;

c) Tổ chức tuyển sinh theo đề án và quy chế tuyển sinh đã ban hành, tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện trách nhiệm giải trình với Bộ GDĐT, các cơ quan có thẩm quyền và xã hội về toàn bộ công tác tuyển sinh của Trường;

d) Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học lên hệ thống chậm nhất 30 ngày sau khi thí sinh hoàn thành thủ tục nhập học (đối với tuyển sinh đại học chính quy); báo cáo những nội dung theo quy định của Quy chế này, báo cáo tình hình tuyển sinh và kết quả tuyển sinh theo yêu cầu của Bộ GDĐT;

e) Giải quyết các trường hợp phát sinh hoặc tình huống đặc biệt liên quan đến công tác tuyển sinh;

f) Tổng kết công tác tuyển sinh; đề xuất Hiệu trưởng quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS

a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Trường;

b) Thành lập các ban giúp việc cho HĐTS để triển khai công tác tuyển sinh;

c) Phó Chủ tịch HĐTS thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS ủy quyền.

Điều 23. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS

1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS gồm có:

a) Trưởng ban do Ủy viên thường trực HĐTS Trường kiêm nhiệm;

b) Các ủy viên: một số cán bộ phòng, trung tâm, khoa/viện và cán bộ công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS:

a) Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, hồ sơ, thời gian, hình thức và địa điểm đăng ký xét tuyển trên Trang thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác;

b) Tổ chức kiểm tra hồ sơ của thí sinh dự tuyển và trúng tuyển theo quy định;

c) Cập nhật lên Công thông tin tuyển sinh và Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT tất cả các thông tin tuyển sinh của Trường theo quy định để thực hiện xét tuyển trên hệ thống (đối với tuyển sinh đại học chính quy);

d) Dự kiến phương án điểm sàn xét tuyển và điểm trúng tuyển để trình HĐTS xem xét quyết định;

e) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển, gửi giấy báo trúng tuyển cho thí sinh và các hình thức thông tin khác về trúng tuyển và nhập học;

f) Thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

Điều 24. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Đối với khen thưởng: Chủ tịch HĐTS đề nghị Hiệu trưởng khen thưởng các cá nhân và đơn vị có nhiều thành tích đóng góp cho công tác tuyển sinh.

2. Đối với xử lý vi phạm:

a) Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào Trường trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

b) Người có hành vi vi phạm Quy chế này là viên chức và người lao động của Trường tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 71 của Luật Giáo dục đại học; Luật Viên chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức và người lao động.

Điều 25. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. Phòng Đào tạo Đại học đối với tuyển sinh đại học hình thức chính quy, Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng đối với tuyển sinh hình thức vừa làm vừa học chủ trì, phối hợp với Văn phòng trường thực hiện bảo quản và lưu trữ các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục;

2. Phòng Đào tạo Đại học đối với tuyển sinh đại học hình thức chính quy, Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng đối với tuyển sinh hình thức vừa làm vừa học chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan chủ động tham mưu giải quyết các rủi ro đã đưa ra trong đề án tuyển sinh của Trường; tổ chức tổng kết công tác tuyển sinh; tham mưu Hiệu trưởng quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định;

3. Phòng Thanh tra – Pháp chế tham mưu cho Hiệu trưởng tổ chức thực hiện thanh

tra, kiểm tra nội bộ; giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan tới công tác tuyển sinh theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, thay thế các quy chế, quy định có liên quan trước đây của Trường.
2. Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng, các Trưởng đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.
3. Quy chế này có thể được bổ sung, sửa đổi, cập nhật phù hợp theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh và bổ sung; các đơn vị, cá nhân phản ánh về Phòng Đào tạo Đại học để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

HIỆU TRƯỞNG 



Trang Thị Trung

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 4.05 /ĐHNT ngày 03/4 /2023 của Hiệu trưởng)

Phụ lục I: Đề án tuyển sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

1. Tên cơ sở đào tạo:
2. Mã trường:
3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:
5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):
6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:
7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Lĩnh vực...					
Tên ngành					
Tên ngành					
....					
Lĩnh vực...					
...					
Tổng					

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm ... (Ví dụ: 2020)			Năm ... (Ví dụ: 2021)		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1.	Lĩnh vực 1/nhóm ngành/ngành - Ngành 1 Tổ hợp 1: Tổ hợp 2: Tổ hợp 3: - Ngành 2 - Ngành 3 - Ngành 4							
2.	Lĩnh vực 2/nhóm ngành/ngành							
3.	Lĩnh vực 3/nhóm ngành/ngành							
4.							
	Tổng							

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.									
2.									
3.									
...									

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo¹ trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

¹ Thực hiện từ năm 2023

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ² 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1.														
2.														

² Tổ hợp xét tuyển được hiểu là: tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo

1.5. Ngưỡng đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

1.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.

1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học. (không trái các quy định hiện hành).

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường;

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh.

2. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.										
2.										

1.5. Ngưỡng đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

1.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

III. Tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm: (Mẫu số 01)

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của CSĐT:.....

IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa: (Mẫu số 02)

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo từ xa trên trang thông tin điện tử của CSĐT:.....

Cán bộ kê khai

Ngày.....tháng năm 202....

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/..... (Người học)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		
1	Tiến sĩ		
<i>1.1</i>	<i>Lĩnh vực....</i>		
1.1.1	Ngành....		
2	Thạc sĩ		
<i>2.1</i>	<i>Lĩnh vực...</i>		
2.1.1	Ngành....		
B	ĐẠI HỌC		
3	Đại học chính quy		
3.1	Chính quy		
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		
3.1.1.1	Lĩnh vực ...		
3.1.1.1.1	Ngành...		
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		
3.1.2.1	Lĩnh vực ...		
3.1.2.1.1	Ngành...		
3.2	Đối tượng từ trung cấp lên đại học		
<i>3.2.1</i>	<i>Lĩnh vực...</i>		
3.2.1.1	Ngành...		
3.3	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học		
<i>3.3.1</i>	<i>Lĩnh vực...</i>		
3.3.1.1	Ngành....		
3.4	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
<i>3.4.1</i>	<i>Lĩnh vực...</i>		
3.4.1.1	Ngành....		
4	Đại học vừa làm vừa học		
4.1	Vừa làm vừa học		
<i>4.1.1</i>	<i>Lĩnh vực...</i>		
4.1.1.1	Ngành...		
4.2	Đối tượng từ trung cấp lên đại học		
<i>4.2.1</i>	<i>Lĩnh vực...</i>		
4.2.1.1	Ngành....		
4.3	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học		
<i>4.3.1</i>	<i>Lĩnh vực...</i>		
4.3.1.1	Ngành...		
4.4	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
<i>4.2.1</i>	<i>Lĩnh vực...</i>		

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
4.2.1.1	Ngành....		
5	Từ xa		
5.1	Lĩnh vực...		
5.1.1	Ngành...		
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON		
6	Cao đẳng chính quy		
6.1	Chính quy		
6.2	Đối tượng từ trung cấp lên cao đẳng		
6.3	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng		
7	Cao đẳng vừa làm vừa học		
7.1	Vừa làm vừa học		
7.2	Đối tượng từ trung cấp lên cao đẳng		
7.3	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng		

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha):
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có).
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường

tính trên một sinh viên chính quy:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo		
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ		
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ		
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ		
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ		
1.5	Số phòng học đa phương tiện		
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo		
2.	Thư viện, trung tâm học liệu		
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập		
	Tổng		

2.2 Các thông tin khác

1.4. Danh sách giảng viên toàn thời gian

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1.	Trần Văn A	GS	TS	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục Mầm non	Ngôn ngữ Anh
2.	Nguyễn Thị B		ThS	Tin học		
3.					
	Tổng số giảng viên toàn trường					

1.5. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Stt	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1.	Trần Văn A		GS	TS	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục Mầm non	Ngôn ngữ Anh
2.	Nguyễn Thị B			ThS	Tin học		
3.	...						
	Tổng số giảng viên toàn trường						

Phụ lục II: Mẫu phiếu đăng ký xét tuyển

Phụ lục III: Ưu tiên trong xét tuyển

Ưu tiên trong xét tuyển được cập nhật hàng năm (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Phần I. Phân chia khu vực tuyển sinh

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;
Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

Phần II. Đối tượng chính sách ưu tiên

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
<i>Nhóm UT1</i>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.
03	a) Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;
04	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;

	đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<i>Nhóm UT2</i>	
05	<p>a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;</p> <p>b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác;</p> <p>c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.</p>
06	<p>a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;</p> <p>b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;</p> <p>c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.</p>
07	<p>a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;</p> <p>b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;</p> <p>c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên;</p> <p>d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.</p>

Phụ lục IV: Quy trình tuyển sinh

Bước	Nội dung thực hiện	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Tổng kết công tác của năm tuyển sinh	- Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh của năm tuyển sinh và Kế hoạch, phương hướng năm sau	Tháng 10 – tháng 11 hàng năm	P.ĐTĐH, BTK HĐTS	- Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT, - Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT quy định đánh giá chất lượng CTĐT	Tổng kết làm căn cứ xác định kết quả đạt được, khó khăn, tồn tại từ đó có giải pháp trong năm sau
2	Xây dựng Phương hướng tuyển sinh năm sau	- Bản phương hướng tuyển sinh để trình Hội đồng trường thông qua	Tháng 11 – tháng 12 hàng năm	P.ĐTĐH	- Báo cáo tổng kết tuyển sinh ở bước 1	
3	Xác định chỉ tiêu tuyển sinh	- Báo cáo xác định chỉ tiêu tuyển sinh	Tháng 11 – tháng 12 hàng năm	P.ĐTĐH, P.KHTC, P.TC-NS, P.CTSV, P.CNTT, P.ĐBCL, P.TT-PC TT.PVTH	- Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT; - Phương hướng tuyển sinh được HĐT thông qua	Có thể thực hiện đồng thời cùng với Bước 2
4	Xây dựng Đề án tuyển sinh	- Đề án tuyển sinh được ban hành	Tháng 02 – tháng 03 hàng năm	P.ĐTĐH, TT.PVTH, P.CNTT	- Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT; - Báo cáo xác định chỉ tiêu tuyển sinh - Kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Bộ	Công bố công khai trên web và các thông tin truyền thông khác
5	Xây dựng Thông báo tuyển sinh	- Thông báo tuyển sinh gồm chỉ tiêu, ngành, phương	Tháng 03 – tháng 05 hàng năm	P.ĐTĐH, BTK	- Đề án tuyển sinh - Kế hoạch tuyển sinh	Trích từ Đề án tuyển sinh

Bước	Nội dung thực hiện	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		thức, thời gian đăng ký, cách thức đăng ký... được ban hành			hàng năm của Bộ	
6	Tổ chức đăng ký xét tuyển và/hoặc thông báo điểm sàn xét tuyển	- Dữ liệu thí sinh đăng ký xét tuyển; - Thông báo điểm sàn xét tuyển	Tháng 03 – tháng 08 hàng năm	P.ĐTĐH, BTK	- Thông báo tuyển sinh - Kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Bộ	
7	Tổ chức xét tuyển và thông báo trúng tuyển	- Dữ liệu thí sinh trúng tuyển; - Thông báo trúng tuyển	Tháng 08 – tháng 09 hàng năm	P.ĐTĐH, P.CNTT, BTK	- Dữ liệu đăng ký xét tuyển - Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT	
8	Tổ chức nhập học cho thí sinh trúng tuyển	- Danh sách thí sinh trúng tuyển	Tháng 08 – tháng 10 hàng năm	P.ĐTĐH, P.KHTC, P.CTSV, P.CNTT, TT.PVTH, ĐTN/HSV	- Dữ liệu đăng ký xét tuyển - Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT	
9	Thông báo xét tuyển bổ sung (nếu có)	- Thông báo tuyển sinh gồm chỉ tiêu, ngành, phương thức, thời gian đăng ký, cách thức đăng ký... được ban hành	Tháng 09 – tháng 11 hàng năm	P.ĐTĐH, BTK	- Đề án tuyển sinh; - Kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Bộ; - Dữ liệu thí sinh trúng tuyển và nhập học	Thực hiện lại các bước 6, 7, 8 như trên
10	Xây dựng Báo cáo và hoàn thành công tác tuyển sinh	- Thí sinh nhập học đủ chỉ tiêu; - Báo cáo thí sinh nhập học	Tháng 11 – tháng 12 hàng năm	P.ĐTĐH, BTK	- Công văn của Bộ về báo cáo tuyển sinh; - Kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Bộ	

Phụ lục V: Các trang thông tin điện tử của Trường

1. Trang thông tin tuyển sinh: <http://tuyensinh.ntu.edu.vn>
2. Trang đăng ký xét tuyển: <http://xettuyen.ntu.edu.vn>
3. Trang fanpage tuyển sinh: <https://www.facebook.com/tuyensinhdhnt>
4. Trang fanpage Trường ĐH Nha Trang:
<https://www.facebook.com/nhatranguniversity>
5. Email tuyển sinh: tuyensinh@ntu.edu.vn
6. Điện thoại: 0258.3831147; 0258.3831148